

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Trên cơ sở nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất của các ngành, đơn vị, địa phương và kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp quy hoạch sử dụng đất và các quy định của pháp luật.

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt: huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 27/02/2023; thành phố Đồng Hới tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/3/2023; huyện Bố Trạch tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 03/3/2023; thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2023; huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; huyện Tuyên Hóa tại Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 27/02/2023.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn trong năm 2025

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt:

✓

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 14.909,86 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là 3.489,03 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng sản xuất được phép chuyển mục đích là 10.918,75 ha.
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là 500,05 ha.
- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng được phép chuyển mục đích là 2,03 ha.

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất đến tháng 3 năm 2025

a. Kết quả đạt được

Tổng chỉ tiêu đã được thực hiện trên toàn tỉnh là 316,66 ha, trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 76,83 ha;
- Diện tích đất rừng sản xuất đã chuyển mục đích là 232,46 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 7,37 ha;

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất do các ngành, đơn vị, địa phương đăng ký chuyển mục đích sử dụng là khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án như: lập, phê duyệt dự án đầu tư; bố trí nguồn vốn đầu tư; lập quy hoạch chi tiết; lập, phê duyệt dự toán thiết kế kỹ thuật; phòng cháy chữa cháy; xin giấy phép xây dựng; các thủ tục về giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng... dẫn đến việc giao đất thực hiện dự án không hoàn thành trong một năm mà có trường hợp kéo dài nhiều năm mới đầy đủ cơ sở pháp lý triển khai dự án đầu tư.

3. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư của người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Cụ thể như sau:

Tổng số danh mục đề nghị thông qua bổ sung, điều chỉnh là 71 công trình, dự án, bao gồm:

1. Bổ sung danh mục 69 công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025, với diện tích 281,42 ha, bao gồm: 62,67 ha đất trồng lúa; 65,92 ha đất rừng sản xuất và 152,83 ha các loại đất khác. Trong đó:

- Danh mục 25 công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 196,39 ha, bao gồm: 53,69 ha đất trồng lúa; 35,84 ha đất rừng sản xuất và 106,86 ha các loại đất khác.

- Danh mục 20 công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 40,74 ha, lấy từ các loại đất khác.



- Danh mục 24 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 44,29 ha, bao gồm: 8,98 ha đất trồng lúa; 30,08 ha đất rừng sản xuất và 5,23 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

2. Điều chỉnh danh mục 02 công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024. Trong đó:

- Tổng diện tích đất trước điều chỉnh là 10,35 ha, bao gồm 0,3 ha đất trồng lúa; 2,0 ha đất rừng sản xuất và 8,05 ha các loại đất khác.

- Tổng diện tích đất sau điều chỉnh là 10,12 ha, bao gồm 1,32 ha đất trồng lúa; 8,45 ha đất rừng sản xuất và 0,35 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 626/TTr-UBND ngày 14/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT và NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở NN và MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

BỘ SƯNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 712 /TT-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỒNG THỜI CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT								
I	Huyện Lệ Thủy			9,74	8,93		0,81	
1	Khu đô thị tại thị trấn Kiến Giang và xã Liên Thủy	TT Kiến Giang, Liên Thủy	Lệ Thủy	0,87	0,76		0,11	Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại tại thị trấn Kiến Giang và xã Liên Thủy
2	Khu đô thị Kiến Giang 1, huyện Lệ Thủy	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	8,87	8,17		0,70	Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về quyết định chấp thuận nhà đầu tư
II	Huyện Quảng Ninh			8,58	0,33	5,72	2,53	
3	Khu đô thị tại vùng Ruộng Nhất, thị trấn Quán Hâu	Quán Hâu	Quảng Ninh	0,62	0,30		0,32	Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại Ruộng Nhất, thị trấn Quán Hâu
4	Trạm biến áp 110 KV Tây Bắc Quán Hâu và đầu nối	Duy Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	0,03	0,03			Quyết định số 1040/QĐ-BCT ngày 31/3/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng tiểu dự án Trạm Biến áp 110kV Tây Bắc Quán Hâu và đầu nối, thuộc Dự án Lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ, sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (Dự án thành phần 2, giai đoạn 2); Quyết định số 3094/QĐ-BCT ngày 25/11/2024 của Bộ Công Thương phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án
5	Khu dân cư nông thôn Dinh Mười III	Gia Ninh	Quảng Ninh	4,13		1,92	2,21	Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại Dinh Mười III
6	Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	Trường Xuân	Quảng Ninh	3,80		3,80		Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
III	Thành phố Đồng Hới			115,96	35,35	25,00	55,61	
7	Khu đô thị Bình Minh 1	Báo Ninh	Đồng Hới	45,00		14,30	30,70	Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình

8	Khu đô thị Bình Minh 2	Bảo Ninh	Đồng Hới	25,00		10,70	14,30	Quyết định số 299a/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của UBND tỉnh và việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2024 tỉnh Quảng Bình
9	Tổ hợp giáo dục FPT Quảng Bình	Đồng Phú	Đồng Hới	5,10	4,39		0,71	Thông báo số 5091/TB-VP/UBND ngày 16/10/2024 của VP/UBND tỉnh thông báo kết luận của đồng chí Phan Phong Phú, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe Công ty TNHH Giáo dục FPT báo cáo đề xuất nghiên cứu, quan tâm thực hiện đầu tư dự án Tổ hợp giáo dục FPT tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
10	Khu đô thị phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới	Đồng Phú	Đồng Hới	9,90	3,53		6,37	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại phía đông Đường Phùng Hưng, TP Đồng Hới
11	Khu đô thị phía Nam đường Trần Hưng Đạo, giáp với Dài phát sóng, phát thanh Đồng Hới	Đồng Phú, Nam Lý	Đồng Hới	0,46	0,20		0,26	Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại phía Nam đường Trần Hưng Đạo, giáp với dài phát sóng, phát thanh Đồng Hới
12	Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi	Nam Lý, Đức Ninh Đông	Đồng Hới	30,50	27,23		3,27	Quyết định số 2784/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh về quyết định chấp thuận nhà đầu tư
IV	Huyện Bố Trạch			1,02	0,44	-	0,58	
13	Dự án tạo quỹ đất ở khu vực thôn Quý Thuận	Hải Phú	Bố Trạch	1,02	0,44		0,58	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 18/3/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch và được điều chỉnh tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/3/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Bố Trạch; Tờ trình số 59/TTr/DAXD ngày 12/02/2025 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Bố Trạch
V	Thị xã Ba Đồn			15,01	5,37	2,00	7,64	
14	Hạ tầng công viên 2 đầu cầu Quảng Hải kết hợp bùng binh giao thông phía Nam cầu Quảng Hải	Quảng Phong, Quảng Lộc	Ba Đồn	0,99	0,86		0,13	Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hạ tầng công viên 2 đầu cầu Quảng Hải kết hợp bùng binh giao thông phía Nam cầu Quảng Hải
15	Trường mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,99	0,91		0,08	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
16	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	2,78	2,36		0,42	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

17	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,85	0,80			0,05	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
18	Dự án Khu dân cư phía Đông Tổ dân phố Tân Xuân, phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	5,13	0,31			4,82	Quyết định số 2707/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh tên nguồn vốn và thời gian thực hiện Dự án phát triển quỹ đất Khu dân cư phía Đông Tổ dân phố Tân Xuân, phường Quảng Phong
19	Nâng cấp, xây dựng khu kinh doanh dịch vụ ẩm thực biển, giai đoạn 1. Hạng mục Giải phóng mặt bằng các kiot khu vực ven biển Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	Quảng Thọ	Ba Đồn	4,07		2,00		2,07	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 25/11/2024 của HĐND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các công trình nhóm C trên địa bàn thị xã, Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Nâng cấp, xây dựng khu kinh doanh dịch vụ ẩm thực biển, giai đoạn 1. Hạng mục Giải phóng mặt bằng các kiot khu vực ven biển Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
20	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các đường dây 110kV tỉnh Quảng Bình năm 2024	Quảng Thọ, Quảng Phúc, Quảng Thuận	Ba Đồn	0,13	0,08			0,05	Quyết định số 3199/QĐ-QBPC ngày 18/9/2023 của Công ty điện lực Quảng Bình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Dự án Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các đường dây 110kV tỉnh Quảng Bình năm 2024
21	Di dời hệ thống điện (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn)	Quảng Lộc, Quảng Tân, Quảng Sơn, Quảng Hòa, Quảng Hải	Ba Đồn	0,07	0,05			0,02	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
VI	Huyện Quảng Trạch			46,08	3,27	3,12		39,69	
22	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Quảng Phương	Quảng Trạch	2,99		2,62		0,37	Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và thời gian thực hiện hợp đồng Gói thầu số 7: Xây lắp công trình thuộc dự án: Đài tưởng niệm các anh hùng Liệt Sỹ huyện Quảng Trạch
23	Hạ tầng kỹ thuật Khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc Trung tâm xã tại thôn Phù Ninh xã Quảng Thanh	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2,19	1,87			0,32	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc Trung tâm xã tại thôn Phù Ninh xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch
24	Xây dựng Chùa Pháp Kê tại thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương	Quảng Phương	Quảng Trạch	0,50		0,50			Văn bản số 325/UBND-KT ngày 04/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chủ trương giới thiệu vị trí xây dựng Chùa Pháp Kê tại thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương
25	Khu dân cư nông thôn phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch	Quảng Hưng, Quảng Phương	Quảng Trạch	40,40	1,40			39,00	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch

B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)									
1	Huyện Lệ Thủy			2,81				2,81	40,74
1	Xây dựng cấp bách Cầu Năm Ông m19+050/ĐT.564	Trường Thủy	Lệ Thủy	2,81				2,81	40,74
II	Huyện Bố Trạch			28,34				28,34	
2	Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng Laterit làm phụ gia xi măng tại xã Cự Năm và xã Sơn Lộc, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Cự Năm, Sơn Lộc	Bố Trạch	24,00				24,00	
3	Khai thác sét gạch ngói tại thị trấn Nông Trường Việt Trung	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	2,50				2,50	
4	Đường giao thông nội thị tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Nông Trường Việt Trung	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0,64				0,64	
5	Đường giao thông thôn 5 đi thôn 10 xã Lý Nam, huyện Bố Trạch	Lý Nam	Bố Trạch	0,65				0,65	
6	Khu dân cư nông thôn xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	0,04				0,04	
7	Khu dân cư nông thôn xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch	Thanh Trạch	Bố Trạch	0,45				0,45	
8	Tạo quỹ đất (giao đất tái định cư)	Cự Năm	Bố Trạch	0,06				0,06	
III	Thị xã Ba Đồn			5,77				5,77	
9	Chính trang đô thị, xây dựng tuyến đường bê tông khu phố 4 phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0,05				0,05	

Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của UBND phường Ba Đồn về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Chính trang đô thị, xây dựng tuyến đường bê tông khu phố 4 phường Ba Đồn

10	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3 phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0,33				Quyết định số 796/QĐ-UBND ngày 07/3/2025 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình: Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3 phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	0,33
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 1)	Ba Đồn	Ba Đồn	0,37				Quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của Hội đồng nhân dân phường Ba Đồn về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình "Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 1)"	0,37
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 2)	Ba Đồn	Ba Đồn	0,22				Nghị quyết số 158/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 của Hội đồng nhân dân phường Ba Đồn về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình "Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 2)"	0,22
13	Dự án Hạ tầng Khu dân cư phía Bắc Tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	Quảng Long	Ba Đồn	4,80				Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 12/10/2023 của UBND thị xã Ba Đồn về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án Hạ tầng Khu dân cư phía Bắc Tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	4,80
IV	Thành phố Đồng Hới			0,14					0,14
14	Khu đô thị phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phan	Bắc Lý, Lộc Ninh	Đồng Hới	0,14				Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phan	0,14
V	Huyện Quảng Trạch			2,05					2,05
15	Xây dựng cấp bách Cầu Sông Thai (Km3+010/ĐT.558) huyện Quảng Trạch	Quảng Phú, Quảng Kim	Quảng Trạch	1,97				Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng cấp bách Cầu Sông Thai Km3+010/ĐT.558B, huyện Quảng Trạch	1,97
16	Mở rộng khuôn viên nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông Phúc, xã Liên Trường	Liên Trường	Quảng Trạch	0,08				Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 02/5/2024 của HĐND huyện Quảng Trạch về việc phân bổ nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá thôn năm 2024 (lần 1)	0,08
V	Huyện Tuyên Hóa			1,60					1,60
17	Nâng cấp đường Hoàng Sâm, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	TT Đồng Lê	Tuyên Hóa	0,57				Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 20/12/2024 của HĐND huyện Tuyên Hóa về phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ nguồn vốn các dự án đầu tư công (Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ)	0,57
18	Cầu tràn Rao bội, thôn Tân Đức đi thôn Tân Hương, xã Hương Hoá, huyện Tuyên Hoá	Hương Hoá	Tuyên Hoá	0,22				Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công từ nguồn "tiết kiệm chi thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2024"	0,22
19	Khắc phục khẩn cấp tuyến kè chống sạt lở bờ sông Gianh đoạn qua thôn Chợ Cuối xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hoá	Tiến Hoá	Tuyên Hoá	0,81				Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của UBND huyện Tuyên Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công từ nguồn "tiết kiệm chi thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2024"	0,81

VI	Huyện Quảng Ninh			0,03					0,03	Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 04/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh tên dự án Khu nhà ở thương mại Đá Lạ, thị trấn Quán Hâu
20	Khu đô thị Đá Lạ thị trấn Quán Hâu, huyện Quảng Ninh	TT Quán Hâu	Quảng Ninh	0,03					0,03	
C. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT										
I	Huyện Lệ Thủy			4,42	1,72		2,32	0,38		Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
1	Trang trại chăn nuôi trồng trọt tổng hợp công nghệ cao	Mai Thủy	Lệ Thủy	2,32			2,32			Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
2	Dự án Đầu tư xây dựng Chợ Mai tại xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy	Hưng Thủy	Lệ Thủy	2,10	1,72			0,38		Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
II	Huyện Quảng Ninh			4,73			4,73			Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
3	Trang trại tổng hợp nông nghiệp công nghệ cao tại xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Gia Ninh	Quảng Ninh	4,73			4,73			Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
III	Thành phố Đồng Hới			8,19	4,00		3,92	0,27		
4	Văn phòng Trung bày, phân phối vật liệu xây dựng Miền Trung của Công ty TNHH Thương mại Tiến Đạt	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,35			0,35			Nhu cầu sử dụng đất của người dân (Chỉ tiết có danh mục kèm theo)
5	Xây dựng kho hàng kinh doanh và dự trữ hàng gồm sử của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kim Ngọc Thành	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,30			0,30			Nhu cầu sử dụng đất của người dân (Chỉ tiết có danh mục kèm theo)
6	Chuyên mục dịch sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở nông thôn	Đức Ninh, Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0,33	0,23		0,10			
7	Chuyên mục dịch sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở đô thị	Nam Lý, Bắc Lý, Bắc nghĩa	Đồng Hới	0,99	0,21		0,78			
8	Trung tâm trung bày và bảo hành, bảo trì xe ô tô tải, bus Quảng Bình của Công ty CP Ô tô Trường Hải	Đức Ninh	Đồng Hới	3,15	3,01			0,14		Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
9	Dự án Nhà máy kết cấu thép - Công ty TNHH TH Huy Hoàng 579	Thuận Đức	Đồng Hới	0,49			0,48	0,01		Quyết định số 1622/QĐ-KKT ngày 27/11/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.
10	Dự án Nhà máy sản xuất nước đóng chai ion kiềm Nhật Lệ của Công ty TNHH dịch vụ Thăng Giang	Thuận Đức	Đồng Hới	2,03			1,91	0,12		Quyết định số 728/QĐ-KKT ngày 29/3/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư.
11	Dự án Trường Mầm non Koharu	Lộc Ninh	Đồng Hới	0,55	0,55					Quyết định số 980/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư
IV	Huyện Bố Trạch			4,87	2,63		1,91	0,33		

12	Khu phức hợp giải trí Phong Nha Farmstay	Cự Năm	Bố Trạch	0,59	0,52			0,07	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư
13	Dự án mở rộng dự án khu dịch vụ thương mại tổng hợp Duy Hưng	Trung Trạch	Bố Trạch	0,95	0,81			0,14	Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
14	Văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm và kho hàng Thăng Thành	Trung Trạch	Bố Trạch	1,39	1,30			0,09	Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư.
15	Dự án khu du lịch sinh thái Pacific (Pacific Resort)	Thanh Trạch	Bố Trạch	1,94		1,91		0,03	Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 14/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
V	Thị xã Ba Đồn			0,04	0,04				
16	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở nông thôn	Quảng Hoà	Ba Đồn	0,11	0,11				Nhu cầu sử dụng đất của người dân (Chi tiết có danh mục kèm theo)
17	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở đô thị	Quảng Thuận	Ba Đồn	0,04	0,04				Nhu cầu sử dụng đất của người dân (Chi tiết có danh mục kèm theo)
VI	Huyện Quảng Trạch			21,84	0,40	17,20		4,24	
18	Khu sinh thái biển - Green Palm Resort của Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư quốc tế ITI	Quảng Đông, Quảng Phú	Quảng Trạch	5,53		3,20		2,33	Quyết định số 980/QĐ-KKT ngày 14/8/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư và Quyết định số 876/QĐ-KKT ngày 31/7/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư
19	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đảo Yến - Hòn Ia của Công ty Cổ phần du lịchữ hành An Bình tại phân khu du lịch sinh thái Bắc Cầu Ròn	Quảng Phú	Quảng Trạch	5,12		3,62		1,50	Quyết định số 1139/QĐ-KKT ngày 14/10/2020 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Đảo Yến -Hòn Ia; Quyết định số 921/QĐ-KKT ngày 24/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
20	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Dorris Bien Resort của Công ty Cổ phần du lịch Thiên An Việt Nam	Quảng Phú	Quảng Trạch	5,04		4,80		0,24	Quyết định số 1008/QĐ-KKT ngày 02/8/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế về chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp Dorris Bien Resort
21	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng VBE Quảng Bình của Công ty Cổ phần VBE Quảng Bình tại Khu công nghiệp cửa ngõ phía Tây	Quảng Tùng	Quảng Trạch	3,94		3,78		0,16	Quyết định số 1542/QĐ-KKT ngày 05/12/2023 của Ban Quản lý Khu Kinh tế về phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư Dự án Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng VBE Quảng Bình
22	Trụ sở làm việc và Khu dịch vụ tổng hợp Quảng Phương của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Xuân Quang	Quảng Phương	Quảng Trạch	1,81		1,80		0,01	Quyết định số 3934/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư

23	Xưởng Sản xuất Gạch Terrazzo QH Hưng Phát của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp QH Hưng Phát	Quảng Hưng	Quảng Trạch	0,40	0,40			Quyết định số 416/QĐ-KKT ngày 27/3/2025 của Ban Quản lý Khu Kinh tế về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư Dự án Xưởng sản xuất gạch Terrazzo QH Hưng Phát của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp QH Hưng Phát	
VIII	Huyện Tuyên Hóa			0,20	0,19			0,01	
24	Cơ sở kinh doanh dịch vụ Xuân Hoà của ông Hoàng Xuân Hoà	Tiên Hoá	Tuyên Hoá	0,20	0,19			0,01	Quyết định số 668/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 của UBND tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
Tổng (A+B+C)				281,42	62,67			65,92	152,83

Chi chi: 69 công trình, dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

✓

DANH SÁCH
CHI TIẾT CÁC THỬA ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT
CỦA HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN KÈM THEO PHỤ LỤC 1
(Kèm theo Tờ trình số: 712 /TTr-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh)

STT	Số Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (ha)	Loại đất hiện trạng	xã, phường, thị trấn	huyện, thị xã, thành phố
1	23	678	0,09	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
2	23	778	0,08	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
3	23	789	0,02	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
4	23	768	0,04	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
5	14	185	0,1	RSX	Nghĩa Ninh	Đồng Hới
6	73	1	0,07	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
7	67	74	0,06	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
8	62	59	0,07	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
9	58	18	0,01	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
10	76	107	0,02	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
11	76	200	0,03	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
12	5	486	0,1	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
13	98	56	0,06	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
14	5	129	0,57	RSX	Bắc Nghĩa	Đồng Hới
15	5	846	0,04	LUC	Quảng Thuận	Ba Đồn
16	7	1103	0,11	LUC	Quảng Hoà	Ba Đồn
Tổng (16 thửa đất)			1,47			

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: **712** /Tr-UBND ngày **21** tháng **4** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó				Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác	
1	Dự án Khu nhà ở xã hội phục vụ cán bộ, công nhân Khu Kinh tế Hòn La	Đã phê duyệt		1,90	0,30			1,60	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh		1,67	1,32			0,35	
2	Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Đã phê duyệt		8,45			2,00	6,45	Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh		8,45			8,45		
Tổng cộng: 02 dự án				10,35	0,30		2,00	8,05	
				10,12	1,32		8,45	0,35	

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục 71 công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Bổ sung danh mục 69 công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025, với diện tích 281,42 ha, bao gồm: 62,67 ha đất trồng lúa; 65,92 ha đất rừng sản xuất và 152,83 ha các loại đất khác. Trong đó:

- Danh mục 25 công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024, đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 196,39 ha, bao gồm: 53,69 ha đất trồng lúa; 35,84 ha đất rừng sản xuất và 106,86 ha các loại đất khác.

- Danh mục 20 công trình, dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 40,74 ha, lấy từ các loại đất khác.

- Danh mục 24 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Đất đai năm 2024. Tổng diện tích sử dụng đất 44,29 ha, bao gồm: 8,98 ha đất trồng lúa; 30,08 ha đất rừng sản xuất và 5,23 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 1 kèm theo)

2. Điều chỉnh danh mục 02 công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 11/12/2024. Trong đó:

- Tổng diện tích đất trước điều chỉnh là 10,35 ha, bao gồm 0,3 ha đất trồng lúa; 2,0 ha đất rừng sản xuất và 8,05 ha các loại đất khác.

- Tổng diện tích đất sau điều chỉnh là 10,12 ha, bao gồm 1,32 ha đất trồng lúa; 8,45 ha đất rừng sản xuất và 0,35 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 21 thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục 1

BỘ SUNG DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày /NQ-HĐND tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó			
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác
A. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐÓNG THỜI CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT								
I	Huyện Lệ Thủy			9,74	8,93			0,81
1	Khu đô thị tại thị trấn Kiến Giang và xã Liên Thủy	TT Kiến Giang, Liên Thủy	Lệ Thủy	0,87	0,76			0,11
2	Khu đô thị Kiến Giang 1, huyện Lệ Thủy	TT Kiến Giang	Lệ Thủy	8,87	8,17			0,70
II	Huyện Quảng Ninh			8,58	0,33			2,53
3	Khu đô thị tại vùng Ruộng Nhất, thị trấn Quán Hâu	Quán Hâu	Quảng Ninh	0,62	0,30			0,32
4	Trạm biến áp 110 KV Tây Bắc Quán Hâu và đầu nối	Duy Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	0,03	0,03			
5	Khu dân cư nông thôn Dinh Mười III	Gia Ninh	Quảng Ninh	4,13				1,92
6	Khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	Trường Xuân	Quảng Ninh	3,80				3,80
III	Thành phố Đồng Hới			115,96	35,35			55,61
7	Khu đô thị Bình Minh 1	Bảo Ninh	Đồng Hới	45,00				14,30
8	Khu đô thị Bình Minh 2	Bảo Ninh	Đồng Hới	25,00				10,70
9	Tổ hợp giáo dục FPT Quảng Bình	Đồng Phú	Đồng Hới	5,10	4,39			0,71
10	Khu đô thị phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới	Đồng Phú	Đồng Hới	9,90	3,53			6,37
11	Khu đô thị phía Nam đường Trần Hưng Đạo, giáp với Đài phát sóng, phát thanh Đồng Hới	Đồng Phú, Nam Lý	Đồng Hới	0,46	0,20			0,26

12	Khu đô thị sinh thái ven sông phía Tây Bắc đường Lê Lợi	Nam Lý, Đức Ninh Đông	Đồng Hới	30,50	27,23				3,27
IV	Huyện Bố Trạch			1,02	0,44	-	-		0,58
13	Dự án tạo quỹ đất ở khu vực thôn Quý Thuận	Hải Phú	Bố Trạch	1,02	0,44				0,58
V	Thị xã Ba Đồn			15,01	5,37	2,00			7,64
14	Hạ tầng công viên 2 đầu cầu Quảng Hải kết hợp bùng binh giao thông phía Nam cầu Quảng Hải	Quảng Phong, Quảng Lộc	Ba Đồn	0,99	0,86				0,13
15	Trường mầm non xã Quảng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,99	0,91				0,08
16	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Lộc	Ba Đồn	2,78	2,36				0,42
17	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Sơn	Ba Đồn	0,85	0,80				0,05
18	Dự án Khu dân cư phía Đông Tổ dân phố Tân Xuân, phường Quảng Phong	Quảng Phong	Ba Đồn	5,13	0,31				4,82
19	Nâng cấp, xây dựng khu kinh doanh dịch vụ ẩm thực biển, giai đoạn 1. Hạng mục Giải phóng mặt bằng các kiot khu vực ven biển Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	Quảng Thọ	Ba Đồn	4,07		2,00			2,07
20	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các đường dây 110kV tỉnh Quảng Bình năm 2024	Quảng Thọ, Quảng Phúc, Quảng Thuận	Ba Đồn	0,13	0,08				0,05
21	Di dời hệ thống điện (phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn đi qua thị xã Ba Đồn)	Quảng Lộc, Quảng Tân, Quảng Sơn, Quảng Hòa, Quảng Hải	Ba Đồn	0,07	0,05				0,02
VI	Huyện Quảng Trạch			46,08	3,27	3,12			39,69
22	Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Quảng Trạch	Quảng Phương	Quảng Trạch	2,99		2,62			0,37

23	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc Trung tâm xã tại thôn Phù Ninh xã Quảng Thanh	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2,19	1,87			0,32
24	Xây dựng Chùa Pháp Kê tại thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương	Quảng Phương	Quảng Trạch	0,50			0,50	
25	Khu dân cư nông thôn phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch	Quảng Hưng, Quảng Phương	Quảng Trạch	40,40	1,40			39,00
B. CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT NHƯNG KHÔNG CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG PHÒNG HỘ, RỪNG SẢN XUẤT (Không có các loại đất này trong khu vực dự án)								
I	Huyện Lệ Thủy			2,81				2,81
1	Xây dựng cấp bách Cầu Năm Ông m19+050/ĐT.564	Trường Thủy	Lệ Thủy	2,81				2,81
II	Huyện Bố Trạch			28,34				28,34
2	Đầu tư xây dựng công trình khai thác quặng Laterit làm phụ gia xi măng tại xã Cự Năm và xã Sơn Lộc, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Cự Năm, Sơn Lộc	Bố Trạch	24,00				24,00
3	Khai thác sét gạch ngói tại thị trấn Nông Trường Việt Trung	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	2,50				2,50
4	Đường giao thông nội thị tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Nông Trường Việt Trung	TTNT Việt Trung	Bố Trạch	0,64				0,64
5	Đường giao thông thôn 5 di thôn 10 xã Lý Nam, huyện Bố Trạch	Lý Nam	Bố Trạch	0,65				0,65
6	Khu dân cư nông thôn xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	0,04				0,04
7	Khu dân cư nông thôn xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch	Thanh Trạch	Bố Trạch	0,45				0,45
8	Tạo quỹ đất (giao đất tái định cư)	Cự Năm	Bố Trạch	0,06				0,06
III	Thị xã Ba Đồn			5,77				5,77
9	Chỉnh trang đô thị, xây dựng tuyến đường bê tông khu phố 4 phường Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0,05				0,05
10	Khắc phục khẩn cấp tuyến đường giao thông khu phố 3 phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	Ba Đồn	0,33				0,33
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 1)	Ba Đồn	Ba Đồn	0,37				0,37

12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn (Khu vực 2)	Ba Đồn	Ba Đồn	0,22					0,22
13	Dự án Hạ tầng Khu dân cư phía Bắc Tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	Quảng Long	Ba Đồn	4,80					4,80
IV	Thành phố Đồng Hới			0,14					0,14
14	Khu đô thị phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phán	Bác Lý, Lộc Ninh	Đồng Hới	0,14					0,14
V	Huyện Quảng Trạch			2,05					2,05
15	Xây dựng cấp bách Cầu Sông Thai (Km3+010/ĐT.558) huyện Quảng Trạch	Quảng Phú, Quảng Kim	Quảng Trạch	1,97					1,97
16	Mở rộng khuôn viên nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đông Phúc, xã Liên Trường	Liên Trường	Quảng Trạch	0,08					0,08
V	Huyện Tuyên Hóa			1,60					1,60
17	Nâng cấp đường Hoàng Sâm, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình	TT Đồng Lê	Tuyên Hóa	0,57					0,57
18	Cầu tràn Rào bội, thôn Tân Đức đi thôn Tân Hương, xã Hương Hoá, huyện Tuyên Hóa	Hương Hoá	Tuyên Hóa	0,22					0,22
19	Khắc phục khẩn cấp tuyến kè chống sạt lở bờ sông Gianh đoạn qua thôn Chợ Cười xã Tiến Hoá, huyện Tuyên Hóa	Tiến Hoá	Tuyên Hóa	0,81					0,81
VI	Huyện Quảng Ninh			0,03					0,03
20	Khu đô thị Đá Lá thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh	TT Quán Hàu	Quảng Ninh	0,03					0,03
C. DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT									
I	Huyện Lệ Thủy			44,29	8,98	30,08			5,23
1	Trang trại chăn nuôi trồng trọt tổng hợp công nghệ cao	Mai Thủy	Lệ Thủy	4,42	1,72	2,32			0,38
2	Dự án Đầu tư xây dựng Chợ Mai tại xã Hưng Thủy, huyện Lệ Thủy	Hưng Thủy	Lệ Thủy	2,32	1,72	2,32			0,38
II	Huyện Quảng Ninh			4,73		4,73			
3	Trang trại tổng hợp nông nghiệp công nghệ cao tại xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Gia Ninh	Quảng Ninh	4,73		4,73			
III	Thành phố Đồng Hới			8,19	4,00	3,92			0,27

4	Văn phòng Trưng bày, phân phối vật liệu xây dựng Miền Trung của Công ty TNHH Thương mại Tiến Đạt	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,35			0,35	
5	Xây dựng kho hàng kinh doanh và dự trữ hàng gốm sứ của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kim Ngọc Thành	Bắc Nghĩa	Đồng Hới	0,30			0,30	
6	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở nông thôn	Đức Ninh, Nghĩa Ninh	Đồng Hới	0,33		0,23	0,10	
7	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở đô thị	Nam Lý, Bắc Lý, Bắc nghĩa	Đồng Hới	0,99		0,21	0,78	
8	Trung tâm trưng bày và bảo hành, bảo trì xe ô tô tải, bus Quảng Bình của Công ty CP Ô tô Trường Hải	Đức Ninh	Đồng Hới	3,15		3,01		0,14
9	Dự án Nhà máy kết cấu thép - Công ty TNHH TH Huy Hoàng 579	Thuận Đức	Đồng Hới	0,49			0,48	0,01
10	Dự án Nhà máy sản xuất nước đóng chai ion kiềm Nhật Lệ của Công ty TNHH dịch vụ Thăng Giang	Thuận Đức	Đồng Hới	2,03			1,91	0,12
11	Dự án Trường Mầm non Koharu	Lộc Ninh	Đồng Hới	0,55		0,55		
IV	Huyện Bố Trạch			4,87		2,63	1,91	0,33
12	Khu phức hợp giải trí Phong Nha Farmstay	Cự Năm	Bố Trạch	0,59		0,52		0,07
13	Dự án mở rộng dự án khu dịch vụ thương mại tổng hợp Duy Hưng	Trung Trạch	Bố Trạch	0,95		0,81		0,14
14	Văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm và kho hàng Thăng Thành	Trung Trạch	Bố Trạch	1,39		1,30		0,09
15	Dự án khu du lịch sinh thái Pacific (Pacific Resort)	Thanh Trạch	Bố Trạch	1,94			1,91	0,03
V	Thị xã Ba Đồn			0,04		0,04		
16	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở nông thôn	Quảng Hoà	Ba Đồn	0,11		0,11		
17	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở đô thị	Quảng Thuận	Ba Đồn	0,04		0,04		
VI	Huyện Quảng Trạch			21,84		0,40	17,20	4,24
18	Khu sinh thái biển - Green Palm Resort của Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư quốc tế ITI	Quảng Đông, Quảng Phú	Quảng Trạch	5,53			3,20	2,33

19	Khu du lịch nghỉ dưỡng Đảo Yến - Hòn la của Công ty Cổ phần du lịch lữ hành An Bình tại phân khu du lịch sinh thái Bắc Cầu Ròn	Quảng Phú	Quảng Trạch	5,12				3,62	1,50
20	Khu nghỉ dưỡng cao cấp Dorris Bien Resort của Công ty Cổ phần du lịch Thiên An Việt Nam	Quảng Phú	Quảng Trạch	5,04				4,80	0,24
21	Nhà máy chế biến gỗ rừng trồng VBE Quảng Bình của Công ty Cổ phần VBE Quảng Bình tại Khu công nghiệp của ngõ phía Tây	Quảng Tùng	Quảng Trạch	3,94				3,78	0,16
22	Trụ sở làm việc và Khu dịch vụ tổng hợp Quảng Phương của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Xuân Quang	Quảng Phương	Quảng Trạch	1,81				1,80	0,01
23	Xưởng Sản xuất Gạch Terrazzo QH Hưng Phát của Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp QH Hưng Phát	Quảng Hưng	Quảng Trạch	0,40		0,40			
VII	Huyện Tuyên Hóa			0,20		0,19			0,01
24	Cơ sở kinh doanh dịch vụ Xuân Hoà của ông Hoàng Xuân Hoà	Tiến Hoá	Tuyên Hoá	0,20		0,19			0,01
		Tổng (A+B+C)		281,42		62,67		65,92	152,83

Ghi chú: 69 công trình, dự án không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

DANH SÁCH
CHI TIẾT CÁC THỬA ĐẤT CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA HỘ GIA
ĐÌNH, CÁ NHÂN KÈM THEO PHỤ LỤC 1

(Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND tỉnh)

STT	Số Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (ha)	Loại đất hiện trạng	xã, phường, thị trấn	huyện, thị xã, thành phố
1	23	678	0,09	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
2	23	778	0,08	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
3	23	789	0,02	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
4	23	768	0,04	LUC	Đức Ninh	Đồng Hới
5	14	185	0,1	RSX	Nghĩa Ninh	Đồng Hới
6	73	1	0,07	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
7	67	74	0,06	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
8	62	59	0,07	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
9	58	18	0,01	LUC	Nam Lý	Đồng Hới
10	76	107	0,02	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
11	76	200	0,03	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
12	5	486	0,1	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
13	98	56	0,06	RSX	Bắc Lý	Đồng Hới
14	5	129	0,57	RSX	Bắc Nghĩa	Đồng Hới
15	5	846	0,04	LUC	Quảng Thuận	Ba Đồn
16	7	1103	0,11	LUC	Quảng Hoà	Ba Đồn
Tổng (16 thửa đất)			1,47			

Phụ lục 2

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số:

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó				
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng sản xuất	Các loại đất khác	
1	Dự án Khu nhà ở xã hội phục vụ cán bộ, công nhân Khu Kinh tế Hòn La	Quảng Đông	Quảng Trạch	1,90	0,30				1,60
				1,67	1,32				0,35
2	Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Vạn Ninh	Quảng Ninh	8,45				2,00	6,45
				8,45				8,45	
Tổng cộng: 02 dự án				Đã phê duyệt	10,35	0,30		2,00	8,05
				Nay điều chỉnh	10,12	1,32		8,45	0,35